

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ GIÁO
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2021/HNGĐ-ST

Ngày 31/12/2021

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ GIÁO, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Bùi Văn Quế.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Thu Hương;

Bà Nguyễn Thị Lệ Hồng.

- Thư ký phiên toà: Bà Trịnh Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Phương Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 259/2021/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Tổ 2, ấp T, xã A, huyện P, tỉnh B. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Ông Nguru Trọng Ph, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Tổ 2, ấp T, xã A, huyện P, tỉnh B. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguru Trọng Ph tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn vào ngày 20 tháng 11 năm 2017 tại Ủy ban nhân dân xã An Bình, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Sau khi kết hôn, thời gian đầu chung sống với nhau rất hạnh phúc nhưng sau đó không hạnh phúc nữa. Nguyên nhân mâu thuẫn: Hai vợ chồng thường bất đồng quan điểm và hay cãi nhau, không hợp nhau. Tình cảm vợ chồng bị rạn nứt, không còn hàn gắn được nữa. Hiện tại, bà và ông Ph không còn chung sống với nhau, cuộc sống hai vợ

chồng không còn hạnh phúc, tình cảm vợ chồng đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài. Vì vậy, bà quyết định ly hôn với ông Nguru Trọng Ph.

Về con chung: Bà và ông Ph có 01 con chung tên Nguru Nguyễn Phương N, sinh ngày 10/01/2019. Hiện tại, cháu Nguru Nguyễn Phương N đang sống cùng bà Th. Nếu được Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Ph, bà Th xin được quyền nuôi con chung Nguru Nguyễn Phương N, bà yêu cầu ông Ph cấp dưỡng nuôi con số tiền 3.000.000 đồng (ba triệu đồng)/tháng đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Th có đơn xin xét xử vắng mặt, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai bị đơn ông Nguru Trọng Ph trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thị Th tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn vào ngày 20 tháng 11 năm 2017 tại Ủy ban nhân dân xã An Bình, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Sau khi kết hôn, thời gian đầu chung sống với nhau rất hạnh phúc nhưng sau đó không hạnh phúc nữa. Vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, tuy nhiên, mâu thuẫn của hai vợ chồng ông chưa đến mức trầm trọng dẫn đến ly hôn. Ông nhận thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn và có thể hàn gắn. Vì vậy, với yêu cầu xin ly hôn của bà Th, ông không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông và bà Th có 01 con chung tên Nguru Nguyễn Phương N, sinh ngày 10/01/2019. Hiện tại, cháu Nguru Nguyễn Phương N đang sống cùng bà Th. Nếu Tòa án giải quyết cho bà Th được ly hôn với ông, ông xin được trực tiếp, chăm sóc và nuôi dưỡng con chung Nguru Nguyễn Phương N, ông không yêu cầu bà Th cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông Ph không yêu cầu Tòa án giải quyết, không có yêu cầu phản tố với bà Nguyễn Thị Th.

Đồng thời, ông Nguru Trọng Ph có đơn xin xét xử vắng mặt, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phát biểu:

- Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình thụ lý, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục và thực hiện theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Th và ông Nguru Trọng Ph chung sống với nhau có đăng ký kết hôn nên hôn nhân giữa bà Th và ông Ph là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn, mục đích hôn nhân không đạt

được nên bà Th yêu cầu được ly hôn với ông Nguu Trọng Ph. Nguyên đơn bà Th, bị đơn ông Ph có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định pháp luật. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà Nguyễn Thị Th được ly hôn với bị đơn ông Nguu Trọng Ph.

Về con chung: Bà Th và ông Ph có 01 con chung tên Nguu Nguyễn Phương N, sinh ngày 10/01/2019. Do cháu N còn nhỏ, để không ảnh hưởng tâm sinh lý và sự phát triển bình thường về sau của trẻ nên đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung Nguu Nguyễn Phương N cho bà Nguyễn Thị Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Nguyễn Thị Th yêu cầu ông Nguu Trọng Ph cấp dưỡng nuôi con chung Nguu Nguyễn Phương N số tiền 3.000.000 đồng (ba triệu đồng)/tháng đến khi con đủ 18 tuổi. Đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con số tiền 3.000.000 đồng (ba triệu đồng)/tháng là còn cao so với thu nhập bình quân tại địa phương, nên chỉ có căn cứ chấp nhận một phần, số tiền cấp dưỡng nuôi con là 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng)/tháng đến khi con đủ 18 tuổi là phù hợp với mức thu nhập bình quân tại địa phương nên đề nghị Hội đồng xét xử buộc ông Nguu Trọng Ph có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con Nguu Nguyễn Phương N số tiền 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng)/tháng đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Th là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận và không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Th về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; hiện bị đơn ông Nguu Trọng Ph đang thường trú tại xã An Bình, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương và nguyên đơn bà Nguyễn Thị Th có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về việc vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: Sau khi thụ lý vụ án, Toà án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên hòa giải, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho bị đơn ông Nguu Trọng Ph, nhưng ông Ph vắng mặt trong các buổi hoà giải, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ. Nguyên đơn bà Th, bị đơn ông Ph có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định pháp luật. Do vậy, Toà án căn cứ vào các Điều 5, 6, 91, 227,

khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự để giải quyết vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Th và bị đơn ông Nguu Trọng Ph chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Bình, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương nên đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng không tin tưởng lẫn nhau, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên nguyên đơn xin ly hôn với bị đơn.

[4] Theo Biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân xã An Bình, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương vào ngày 30 tháng 7 năm 2021 thì ông Ph và bà Th chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Bình, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Nguyên nhân phát sinh của việc tranh chấp ly hôn giữa ông Ph và bà Th thì chính quyền địa phương không nắm rõ, do đương sự giải quyết nội bộ, cũng không trình báo sự việc hay nhờ chính quyền địa phương can thiệp giải quyết và không có đơn yêu cầu.

[5] Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng bà Th và ông Ph đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà Nguyễn Thị Th được ly hôn với bị đơn ông Nguu Trọng Ph theo quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[6] Về con chung: Theo giấy khai sinh, sổ hộ khẩu xác định ông Ph và bà Th có 01 con chung tên Nguu Nguyễn Phương N, sinh ngày 10/01/2019. Hiện tại, cháu N đang sống cùng bà Th. Hội đồng xét xử xét thấy, cháu N còn nhỏ (dưới 36 tháng tuổi) được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con theo quy định tại khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Cháu N rất cần sự chăm sóc của người mẹ và để không ảnh hưởng tâm sinh lý, sự phát triển bình thường về sau của trẻ nên Hội đồng xét xử giao cháu Nguu Nguyễn Phương N cho bà Nguyễn Thị Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Điều này cũng phù hợp với yêu cầu, điều kiện nuôi dưỡng con chung của bà Nguyễn Thị Th.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Th yêu cầu ông Ph cấp dưỡng nuôi con chung Nguu Nguyễn Phương N số tiền 3.000.000 đồng (ba triệu đồng)/tháng đến khi con đủ 18 tuổi. Hội đồng xét xử xét thấy, bà Th yêu cầu cấp dưỡng nuôi con số tiền 3.000.000 đồng (ba triệu đồng)/tháng là còn cao so với mức thu nhập bình quân tại địa phương nên Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận số tiền cấp dưỡng nuôi con là 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng)/tháng. Vì vậy, Hội đồng xét xử buộc bị đơn ông Nguu Trọng Ph có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con Nguu Nguyễn Phương N số tiền 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng)/tháng đến khi con đủ 18 tuổi.

[7] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[8] Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo tham gia phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận.

[9] Về án phí: Đương sự phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 5, Điều 6, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 4 Điều 147 và các Điều 227, 228, 238, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 và các Điều 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Th đối với bị đơn ông Nguu Trọng Ph về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Th đối với bị đơn ông Nguu Trọng Ph về cấp dưỡng nuôi con.

3. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Th được ly hôn với ông Nguu Trọng Ph.

4. Về con chung:

Giao con chung Nguu Nguyễn Phương N, sinh ngày 10/01/2019 cho bà Nguyễn Thị Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Bà Th cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông Phương trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con.

Ông Nguu Trọng Ph có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con Nguu Nguyễn Phương N số tiền 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng)/tháng đến khi con đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Ông Ph có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được ngăn cản. Trường hợp, ông Ph lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà Th có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông Phương.

Vì quyền lợi của con chưa thành niên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi đương sự có đơn yêu cầu phù hợp theo quy định pháp luật.

5. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

6. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Th phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí do bà Nguyễn Thị Th đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0044171 ngày 06 tháng 7 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

Ông Nguu Trọng Ph phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

7. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Phú Giáo;
- Chi cục THADS huyện Phú Giáo;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Văn Quế